

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

Số: 1840/TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 17 tháng 11 năm 2021

### TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh  
quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động  
Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước  
trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND  
TỈNH GIA LAI

Số: 5923

Đến Ngày: 17/11/2021

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XII, Kỳ họp thứ Tư.  
Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 10/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

#### I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Trong thời gian qua, người lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày càng tăng, nhất là các thị trường có thu nhập cao, môi trường làm việc được tiếp cận với máy móc có kỹ thuật tiên tiến, phong cách làm việc khoa học, hiện đại như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Trong thời gian làm việc, người lao động đã thay đổi được nhận thức, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tích lũy được kinh nghiệm để sau khi trở về nước có điều kiện thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tạo việc làm cho gia đình và cộng đồng. Từ năm 2018-2020, tỉnh ta có hơn 1.800 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*trừ thị trường Lào và Campuchia*), trong đó: tại Nhật Bản là 654 người, tại Đài Loan là 275 người, tại Hàn Quốc là 75 người, tại Ả Rập Xê út là 693 người (*thị trường này có trên 95% là phụ nữ dân tộc thiểu số*), số còn lại thuộc các thị trường khác như: Malaysia, Nga, Rumani... Thời gian đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ 2 đến 5 năm, tùy theo đơn hàng và thị trường từng nước. Dự kiến trong thời gian đến, số lượng người lao động của tỉnh kết thúc hợp đồng về nước tương đối nhiều (*do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, dự kiến số lao động về nước năm 2022 từ 200 người đến 500 người, và sẽ tăng dần theo từng năm*). Do đó cần thiết phải ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai để người lao động có điều kiện được đóng góp công sức, kinh nghiệm của mình cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời khuyến khích người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài chấp hành

tốt quy định của nước Sở tại, trở về nước sau khi kết thúc hợp đồng được hưởng chính sách hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp. Hạn chế thấp nhất việc lao động ở lại hoặc bỏ trốn, không thực hiện đúng theo hợp đồng.

2. Tại khoản 2, Điều 60 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022*) quy định như sau: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ người lao động của địa phương; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn để người lao động có thể sử dụng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ nghề nghiệp*”. Do vậy, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền, góp phần giải quyết việc làm, sử dụng hiệu quả nguồn lao động chất lượng, phát triển kinh tế xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

## **II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị quyết**

### **1. Mục đích:**

- Cụ thể hóa quy định của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về chính sách hỗ trợ người lao động sau khi về nước, thể hiện sự quan tâm hỗ trợ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh đối với người lao động sau khi về nước, góp phần giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho người lao động về nước được đóng góp công sức, kinh nghiệm của mình cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

- Việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện, đảm bảo thống nhất đúng quy định.

### **2. Quan điểm:**

- Quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động về nước được đóng góp công sức, trình độ, áp dụng khoa học kỹ thuật để phát triển kinh tế gia đình, đồng thời truyền đạt những kinh nghiệm đã làm việc ở nước ngoài cho người lao động của tỉnh để nâng cao trình độ, tác phong làm việc và kỹ năng nghề nghiệp.

## **III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh đã lập đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết và được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tại Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 về việc Quyết định danh mục Nghị quyết của Hội đồng

nhân dân tỉnh quy định chi tiết luật của Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ Mười.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản số 1914/VP-NC ngày 13/5/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã gửi các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Trường Cao đẳng Gia Lai, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để lấy ý kiến. Các cơ quan, đơn vị đều thống nhất với dự thảo Nghị quyết. Sau khi tiếp thu chỉnh sửa, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu Ủy ban nhân dân ban hành Tờ trình số 1593/TTr-UBND ngày 21/10/2021 đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai và đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông nhất ban hành Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 10/11/2021.

- Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 1854/STP-XD&KTVB ngày 12/11/2021.

#### **IV. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:** Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

#### **2. Đối tượng áp dụng:**

- Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

#### **V. Bộ cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

##### **1. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết:**

Dự thảo Nghị quyết được bố cục gồm 03 Điều, cụ thể:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- Điều 2: Hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước.

- Điều 3: Điều khoản thi hành.

##### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai:**

Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về nước đúng thời hạn sau khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng đào tạo nghề

được hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhập cảnh về nước như sau:

**a) Hỗ trợ học phí đào tạo:**

- Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước tham gia khóa đào tạo được hỗ trợ học phí đào tạo bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/tháng.

- Trường hợp khóa đào tạo theo chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo có những ngày lẻ không đủ tháng thì số ngày lẻ được tính hỗ trợ như sau: Trường hợp số ngày lẻ từ 14 ngày trở xuống được tính là  $\frac{1}{2}$  tháng và được hỗ trợ học phí đào tạo bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này; trường hợp số ngày lẻ từ 15 ngày trở lên được tính là 01 tháng và được hỗ trợ học phí đào tạo bằng mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

- Thời gian được hỗ trợ học phí đào tạo quy định tại khoản này là tổng thời gian thực tế tham gia khóa đào tạo nhưng tối đa không quá 03 tháng.

**b) Hỗ trợ vay vốn để thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh:**

Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

**VI. Những vấn đề xin ý kiến**

Dự thảo Nghị quyết không có các ý kiến khác nhau, do đó, không có nội dung cần xin ý kiến.

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TBXH; Tài chính; Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Lịch

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2021

**Dự thảo**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

## **Điều 2. Hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước**

Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về nước đúng thời hạn sau khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng đào tạo nghề được hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhập cảnh về nước như sau:

### 1. Hỗ trợ học phí đào tạo

a) Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước tham gia khóa đào tạo được hỗ trợ học phí đào tạo bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/tháng.

b) Trường hợp khóa đào tạo theo chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo có những ngày lẻ không đủ tháng thì số ngày lẻ được tính hỗ trợ như sau:

Trường hợp số ngày lẻ từ 14 ngày trở xuống được tính là  $\frac{1}{2}$  tháng và được hỗ trợ học phí đào tạo bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này; trường hợp số ngày lẻ từ 15 ngày trở lên được tính là 01 tháng và được hỗ trợ học phí đào tạo bằng mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

c) Thời gian được hỗ trợ học phí đào tạo quy định tại khoản này là tổng thời gian thực tế tham gia khóa đào tạo nhưng tối đa không quá 03 tháng.

### 2. Hỗ trợ vay vốn để thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh

Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày ... tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ; Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: LĐ-TB&XH, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế (Bộ LĐ-TB&XH);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy; ĐĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Gia Lai;
- Đài PT-TH Gia Lai;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**

Số: 1854/STP-XD&KTVB

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Gia Lai, ngày 12 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1891/SLĐTBXH-CSLĐ ngày 10/11/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đề nghị thẩm định dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết là dự thảo văn bản), các tài liệu khác kèm theo Văn bản số 1891/SLĐTBXH-CSLĐ, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

## I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Thống nhất phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo văn bản.

## II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP VÀ TÍNH THÔNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

### 1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

### 2. Thẩm quyền ban hành văn bản

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; khoản 2 Điều 60 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao

động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

### **3. Nội dung dự thảo văn bản**

#### Tại Điều 2

- Ở điểm a khoản 1, đề nghị sửa từ “như” thành từ “nhưng” nhằm bảo đảm nội dung được chính xác.

#### - Ở điểm b khoản 1, đề nghị:

+ Chính sửa nội dung “số ngày lẻ được tính theo nguyên tắc” bảo đảm thống nhất với nội dung “Trường hợp tổng số ngày lẻ từ 14 ngày trở xuống được tính là  $\frac{1}{2}$  tháng và được hỗ trợ chi phí đào tạo bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm a, khoản này; trường hợp tổng số ngày lẻ từ 15 ngày trở lên được tính là 01 tháng và được hỗ trợ chi phí đào tạo bằng mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này” (cụ thể xem xét trình bày thống nhất nội dung về nguyên tắc tính số ngày lẻ và mức hỗ trợ chi phí đào tạo đối với những ngày lẻ không đủ tháng).

+ Ở điểm c khoản 1, đề nghị sửa cụm từ “Điều này” thành “khoản này” nhằm bảo đảm nội dung được chính xác.

### **III. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI VĂN BẢN ĐÃ GIAO CHO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUY ĐỊNH CHI TIẾT**

Nội dung dự thảo văn bản bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

### **IV. NGÔN NGỮ VÀ KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN**

Đề nghị đối chiếu dự thảo văn bản với mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản như:

- Trình bày đường kẻ ngang, nét liền phía dưới tên cơ quan ban hành văn bản có độ dài bằng từ 1/3 đến 1/2 độ dài của dòng chữ và đặt ở giữa, cân đối so với dòng chữ;

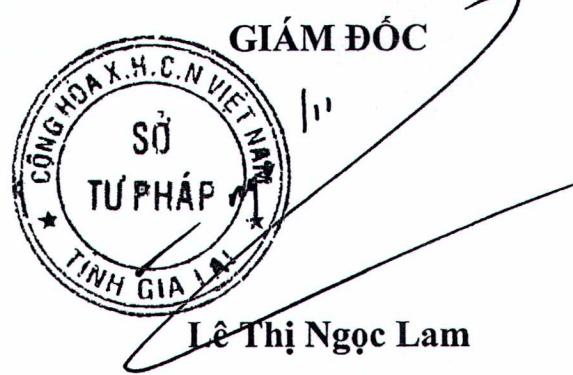
- Đánh số thứ tự của dự thảo văn bản theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

- Trình bày đường kẻ ngang, nét liền phía dưới tên văn bản theo mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; ...

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản. Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo văn bản; giải trình việc tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Dự thảo văn bản bảo đảm đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: XD&KTVB; VT/TP.



Số: 64/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 10 tháng 11 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 60 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 1593/TTr-UBND ngày 21/10/2021 về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo số 39/BC-HĐND ngày 05/11/2021 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến biểu quyết thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận đề UBND tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Thời gian trình: Tại Kỳ họp thứ Tư, HĐND tỉnh khóa XII.

**Điều 2.** Các Ban HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Noi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT-HĐND (G).

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*MKT*

**Trương Văn Đạt**

Gia Lai, ngày 15 tháng 11 năm 2021

VP.UBND TỈNH GIA LAI

ĐẾN Số: 49337  
Ngày 15/11/2021  
Chuyển: Hà Văn Cử  
Bưu hò sơ số:

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh  
quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao  
động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước  
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết luật của Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ mười, công văn số 1914/VP-NC ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 của Thường trực HĐND tỉnh. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương để nghiên cứu tham gia góp ý theo công văn số 1470/SLĐTBXH-CSLD ngày 17/9/2021. Đồng thời đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để lấy ý kiến rộng rãi của toàn thể nhân dân, người lao động. Kết quả, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã nhận được 30 văn bản tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị (21 ý kiến thống nhất với dự thảo, 09 ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung);

Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của các, cơ quan đơn vị, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình một số nội dung. Ngày 08/10/2021, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Tờ trình số 143/TTr-SLĐTBXH đề nghị UBND tỉnh ban hành Tờ trình đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết. Đến ngày 21/10/2021, UBND tỉnh đã ban hành Tờ trình 1593/TTr-UBND gửi Thường trực HĐND tỉnh để đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ngày 10/11/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 64/NQ-HĐND về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành công văn số 1891/SLĐTBXH-CSLĐ ngày 10/11/2021 đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết theo quy định. Đến ngày 12/11/2021 Sở Tư pháp có văn bản số 1854 /STP-XD&KTVB về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh. Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết theo quy định.

Với những căn cứ và nội dung báo cáo nêu trên, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

## I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Trong thời gian qua, người lao động trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày càng tăng, nhất là các thị trường có thu nhập cao, môi trường làm việc được tiếp cận với máy móc có kỹ thuật tiên tiến, phong cách làm việc khoa học, hiện đại như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Trong thời gian làm việc, người lao động đã thay đổi được nhận thức, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tích lũy được kinh nghiệm để sau khi trở về nước có điều kiện thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tạo việc làm cho gia đình và cộng đồng. Từ năm 2018-2020, tỉnh ta có hơn 1.800 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*trừ thị trường Lào và Campuchia*), trong đó: tại Nhật Bản là 654 người, tại Đài Loan là 275 người, tại Hàn Quốc là 75 người, tại Ả Rập Xê út là 693 người (*thị trường này có trên 95% là phụ nữ dân tộc thiểu số*), số còn lại thuộc các thị trường khác như: Malaysia, Nga, Rumani... Thời gian đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ 2 đến 5 năm, tùy theo đơn hàng và thị trường từng nước. Dự kiến trong thời gian đến, số lượng người lao động của tỉnh kết thúc hợp đồng về nước tương đối nhiều (*do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, dự kiến số lao động về nước năm 2022 từ 200 người đến 500 người, và sẽ tăng dần theo từng năm*). Do đó cần thiết phải ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai để người lao động có điều kiện được đóng góp công sức, kinh nghiệm của mình cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời khuyến khích người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài chấp hành tốt quy định của nước Sở tại, trở về nước sau khi kết thúc hợp đồng được hưởng chính sách hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp. Hạn chế thấp nhất việc lao động ở lại hoặc bỏ trốn, không thực hiện đúng theo hợp đồng.

2. Tại khoản 2, Điều 60 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022) quy định như sau: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ người lao động của địa phương; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn để người lao động có thể sử dụng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ nghề nghiệp*”. Do vậy, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền, góp phần giải quyết việc làm, sử dụng hiệu quả nguồn lao động chất lượng, phát triển kinh tế xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã đề ra.

## II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

- Căn cứ tại khoản 2, Điều 60 Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022) quy định như sau: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ người lao động của địa phương; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn để người lao động có thể sử dụng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, trình độ nghề nghiệp*”.

- Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết luật của Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ mười.

## III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

### 1. Mục đích

- Cụ thể hóa quy định của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về chính sách hỗ trợ người lao động sau khi về nước, thể hiện sự quan tâm hỗ trợ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh đối với người lao động sau khi về nước, góp phần giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho người lao động về nước được đóng góp công sức, kinh nghiệm của mình cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã đề ra.

- Việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện, đảm bảo thống nhất đúng quy định.

## **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

- Quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động về nước được đóng góp công sức, trình độ, áp dụng khoa học kỹ thuật để phát triển kinh tế gia đình, đồng thời truyền đạt những kinh nghiệm đã làm việc ở nước ngoài cho người lao động của tỉnh để nâng cao trình độ, tác phong làm việc và kỹ năng nghề nghiệp.

## **IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **2. Về đối tượng áp dụng:**

a) Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

## **V. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Bộ cục:** Nghị quyết gồm 3 Điều.

### **2. Nội dung cơ bản Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai:**

Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về nước đúng thời hạn sau khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng đào tạo nghề được hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhập cảnh về nước như sau:

#### **a. Hỗ trợ học phí đào tạo**

- Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước tham gia khóa đào tạo được hỗ trợ học phí đào tạo bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/tháng.

- Trường hợp khóa đào tạo theo chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo có những ngày lẻ không đủ tháng thì số ngày lẻ được tính hỗ trợ như sau: Trường hợp số ngày lẻ từ 14 ngày trở xuống được tính là  $\frac{1}{2}$  tháng và được hỗ trợ học phí đào tạo bằng 50% mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này; trường hợp số ngày lẻ từ 15 ngày trở lên được tính là 01 tháng và được hỗ trợ học phí đào tạo bằng mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

- Thời gian được hỗ trợ học phí đào tạo quy định tại khoản này là tổng thời gian thực tế tham gia khóa đào tạo nhưng tối đa không quá 03 tháng.

b. Hỗ trợ vay vốn để thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh

Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

### **1. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết:**

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thẩm định hỗ trợ kinh phí đào tạo cho người lao động.

- Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cho người lao động vay vốn để tự tạo việc làm và khởi nghiệp.

- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ, kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả triển khai thực hiện.

### **2. Dự kiến kinh phí:**

Nguồn kinh phí: Nguồn lực thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh. Dự kiến từ 1,5 tỷ đồng đến 2 tỷ đồng/năm. Hàng năm, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

## **VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH** Tại kỳ họp cuối năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

### *Hồ sơ gửi kèm:*

- Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh để nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Các văn bản tham gia ý kiến của các Sở, ban ngành, đoàn thể; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;

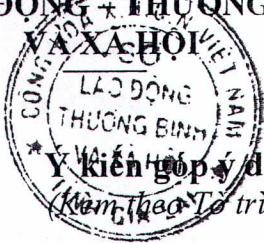
- Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp;

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, VP, CSLĐ.



Rcom Sa Duyên



## BÁO CÁO TỔNG HỢP

\*Ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh  
(Ký: *[Signature]* Tờ trình số 174 /TTr-SLĐTBXH ngày 15 /11/2021)

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết luật của Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ mười, công văn số 1914/VP-NC ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 của Thường trực HĐND tỉnh. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương để nghiên cứu tham gia góp ý theo công văn số 1470/SLĐTBXH-CSLD ngày 17/9/2021. Đồng thời đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để lấy ý kiến rộng rãi của toàn thể nhân dân, người lao động. Kết quả, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã nhận được 30 văn bản tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị, cụ thể như sau:

**1. Ý kiến thống nhất dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Tờ trình của UBND tỉnh:** Có 21 đơn vị, địa phương thống nhất với bộ cục, nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, bao gồm:

+ Các huyện, thị xã, thành phố: Pleiku, Đức Cơ, Chư Sê, Ayun Pa, Chư Păh, Đak Pơ, Ia Grai, Đak Đoa, Kông Chro, Phòng LĐTBXH thị xã Ayun Pa

+ Các Sở, ban, ngành, đoàn thể: Sở Giao thông Vận tải; Sở Y tế; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công thương; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công an tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Ban Dân tộc; Cục Thuế tỉnh; Hội Nông dân.

**2. Ý kiến góp ý nội dung các bản dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Tờ trình của UBND tỉnh:**

Có 09 đơn vị, địa phương tham gia góp ý với bộ cục, nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, bao gồm: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế

hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tư pháp, Liên đoàn Lao động tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, Sở Ngoại vụ.

(có bảng tổng hợp ý kiến góp ý kèm theo)

**3. Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại công văn số 1854/STP-XD&KTVB ngày 12/11/2021:**

Nội dung thẩm định đã thống nhất về phạm vi điều chỉnh, đối tượng; sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối chủ trương của Đảng, Chính phủ của Nhà nước và đã góp ý một số nội dung tại khoản 1 Điều 2 dự thảo và các ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiếp thu và chỉnh sửa theo các ý kiến của Sở Tư pháp trong văn bản thẩm định.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý vào dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

UBND TỈNH GIA LAI  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Tờ trình số 174 /TT-SDTBXH ngày 15/11/2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội)

STT	Đơn vị tham gia góp ý	Số công văn	Ý kiến tham gia	Ý kiến của Sở LĐTBXH
01	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1787/SVHTTDL- XDNSVHGD ngày 20/9/2021	<p><b>I. Về hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết</b></p> <p>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tại Điều 114. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết quy định:</p> <p>1. Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ sự cần thiết ban hành nghị quyết; mục đích, quan điểm xây dựng nghị quyết; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết; mục tiêu, nội dung chính sách trong dự thảo nghị quyết và các giải pháp để thực hiện chính sách đã được lựa chọn; thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua; dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.</p> <p>2. Nội dung đánh giá tác động của từng chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết, trong đó phải nêu rõ vấn đề cần giải quyết; mục tiêu ban hành chính sách; các giải pháp để thực hiện chính sách; các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách; chi phí, lợi ích của các giải pháp; so sánh chi phí, lợi ích của các giải pháp; lựa chọn giải pháp của cơ quan, tổ chức và lý do lựa chọn; xác định vần đề giới và tác động giới của chính sách.</p>	Hồ sơ đề nghị đã tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp, Sở LĐTBXH tiếp thu, chỉnh sửa ý kiến góp ý Tờ trình

			<p>3. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách.</p> <p>4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; bản chụp ý kiến góp ý.</p> <p>5. Đề cương dự thảo nghị quyết.</p> <p>6. Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>Theo đó dự thảo Tờ trình của Quý Sở đã đảm bảo các nội dung, tuy nhiên trong đó có nội dung III. <i>Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết</i> và nội dung VI. <i>Những vấn đề xin ý kiến nhận thấy không quy định nên không cần thiết phải đưa vào văn bản;</i></p> <p>Nội dung dự thảo Nghị quyết nên chuyển sang dạng Đề cương (yêu cầu 5);</p> <p>Với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quý Sở cần bổ sung các nội dung văn bản số 2, 3 và 4 nêu trên.</p> <p><b>II. Về nội dung tờ trình</b></p> <p>Tại Phần I. Sự cần thiết ban hành nghị quyết, dòng thứ 02 sau tiêu đề, bổ sung từ “càng” trong “ngày càng tăng”;</p> <p>Tại dòng 09 và 10 tính từ phần I, đề nghị bỏ cụm từ “đi làm việc” tại các nước...(lặp lại 5 lần), vì phần nêu ở trên đã có “hơn 1.800 lao động <i>đi làm việc</i> ở nước ngoài, trong đó: 654 người <i>đi làm việc</i> tại Nhật Bản, .....”.</p>	
02	Sở Khoa học và Công nghệ	1085/SKHCN-VP ngày 21/9/2021	<p>Cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội soạn thảo. Tuy nhiên, đề hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết, đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc chỉnh sửa, bổ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp thu, chỉnh sửa ý kiến.</li> <li>- Không bổ sung căn cứ “Nghị định số 38/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam</li> </ul>	

		<p>sung một số nội dung, cụ thể:</p> <p><b>1. Đối với dự thảo Tờ trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị cân nhắc quy định cụ thể đối tượng áp dụng là người lao động có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</li> <li>- Về nhu cầu nguồn lực thực hiện: Đề nghị cân nhắc bổ sung thêm từ “dự kiến” thành “Tổng nhu cầu vốn dự kiến thực hiện chính sách” vì nguồn vốn này là dự kiến, không phải con số thực tế, tương tự cân nhắc chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị quyết.</li> <li>- Rà soát các lỗi chính tả, thống nhất kích thước chữ trong toàn bộ dự thảo Tờ trình.</li> </ul> <p><b>2. Đối với dự thảo Nghị quyết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại mục căn cứ: Đề nghị cân nhắc bổ sung “Nghị định số 38/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”.</li> <li>- Điều 1. Đề nghị cân nhắc chỉnh sửa thành: “Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với các nội dung sau:” đảm bảo đầy đủ theo đúng quy định tại mẫu số 17 phụ lục kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</li> <li>- Tại khoản 2 Điều 1: Đề nghị cân nhắc quy định cụ thể đối tượng áp dụng là người lao động có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</li> <li>- Đoạn cuối dự thảo Nghị quyết: đề nghị cân nhắc chỉnh sửa đoạn “áp dụng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2022”</li> </ul>	<p>đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng” vì Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006 sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/01/2022 thì Nghị định số 38/2020/NĐ-CP cũng hết hiệu lực theo.</p>
--	--	--	--

			thành “có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022” nhằm đảm bảo theo đúng quy định tại mẫu số 17 phụ lục kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	
03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3139/SKHĐT-KGVX ngày 22/9/2021	<p>1. Thông nhất với chủ trương xây dựng Tờ trình và Nghị quyết chính sách hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh. Nội dung này phù hợp với quy định tại Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (<i>có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022</i>).</p> <p>2. Đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, làm rõ, hoàn thiện hơn một số nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị phân rõ nguồn lực thực hiện cụ thể đối với từng nội dung đề xuất hỗ trợ.</li> <li>- Đề nghị rà soát, làm rõ hơn về số lượng lao động dự kiến trở về địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 để có đủ cơ sở hợp lý, từ đó đề xuất nguồn kinh phí hỗ trợ phù hợp.</li> <li>- Đề nghị hoàn thiện dự thảo đúng thể thức văn bản theo các quy định hiện hành.</li> </ul>	Tiếp thu, chỉnh sửa ý kiến, bổ sung nội dung làm rõ số lượng dự kiến người lao động về nước năm 2022 từ 200 đến 500 người trong dự thảo Tờ trình. Đối với nội dung đề nghị phân rõ nguồn lực thực hiện cụ thể đối với nội dung đề xuất hỗ trợ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị nguồn lực thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh.
04	Sở Tài chính	2984/STC-HCSN ngày 21/9/2021	<p>Sở Tài chính có ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p>Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quyết định danh mục Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chi tiết luật của Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ Mười, tại Danh mục kèm theo có nội dung tiêu đề của Nghị quyết dự kiến ban hành như sau: “<i>Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022-2025</i>”; không phải là “<i>Nghị quyết chính sách hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh</i>”</p>	Tiếp thu, chỉnh sửa tên gọi dự thảo Nghị quyết theo ý kiến của Sở Tư pháp

			<p>Ngày 16/9/2021, Sở Tài chính đã ban hành Công văn số 2917/STC-HCSN V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị quyết chính sách hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Theo đó, đối với việc xây dựng Nghị quyết theo quy định tại khoản 2, Điều 60 Mục 4 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ sự cần thiết đối với việc hỗ trợ người lao động sau khi về nước để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh <b>điều chỉnh tiêu đề</b> nêu tại Nghị quyết 345/NQ-HĐND ngày 06/5/2021 để tham mưu nội dung Nghị quyết theo đúng quy định.</p> <p>Do đó, để có cơ sở góp ý dự thảo Nghị quyết chính sách hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo đúng nội dung Công văn số 2917/STC-HCSN ngày 16/9/2021 của Sở Tài chính.</p>	
05	Sở Giáo dục và Đào tạo	2175/SGDĐT-TCCB ngày 23/9/2021	<p>Cơ bản thống nhất như nội dung của Dự thảo. Ngoài ra, Sở Giáo dục và Đào tạo có một số ý kiến:</p> <p>1. Dự thảo Tờ trình Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại ý 2 nội dung 4.2 Mục IV về đối tượng áp dụng: Cần bổ sung cụm từ “đến lĩnh vực người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước”.</li> </ul> <p>Nội dung điều chỉnh cụ thể: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan <i>đến lĩnh vực người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại ý b nội dung 5.2 Mục IV về các chính sách hỗ trợ:</li> </ul>	<p>Tiếp thu chỉnh sửa.</p> <p>Đối với ý kiến đề nghị bổ sung nội dung “hỗ trợ hòa nhập xã hội”. Hiện nay chưa thể thực hiện được nội dung này vì dịch vụ tư vấn tâm lý xã hội trên địa bàn tỉnh chưa phát triển mạnh. Người lao động về nước chưa có nhu cầu sử dụng đến dịch vụ này.</p>

			<p>Cần bổ sung nội dung “hỗ trợ hòa nhập xã hội”.</p> <p>Nội dung điều chỉnh cụ thể: <i>Hỗ trợ hòa nhập xã hội</i> quy định tại Điều 61 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020.</p> <p>2. Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại điểm 2 khoản 2 Điều 1 về đối tượng áp dụng: Cần bổ sung cụm từ “đến lĩnh vực người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước”.</li> </ul> <p>Nội dung điều chỉnh cụ thể: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan <i>đến lĩnh vực người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước</i>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại khoản 4 Điều 1 về các chính sách hỗ trợ: Cần bổ sung thêm điểm c “hỗ trợ hòa nhập xã hội”.</li> </ul> <p>Nội dung điều chỉnh cụ thể: c, <i>Hỗ trợ hòa nhập xã hội</i> quy định tại Điều 61 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020.</p>	
06	Sở Tư pháp	1483/STP-XD&KTVB ngày 23/9/2021	<p><b>I. GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT</b></p> <p><b>1. Nội dung dự thảo nghị quyết</b></p> <p>a) Về phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết, căn cứ khoản 2 Điều 60 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại tên gọi của dự thảo nghị quyết, sửa như sau: “<b>Quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai...</b>”.</li> </ul> <p><b>I. GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT</b></p>	Tiếp thu chỉnh sửa.

		<p><b>1. Nội dung dự thảo nghị quyết</b></p> <p>a) Về phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết, căn cứ khoản 2 Điều 60 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại tên gọi của dự thảo nghị quyết, sửa như sau: “<b>Quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai...</b>”.</li> <li>- Tại khoản 1 Điều 1, sửa như sau:</li> </ul> <p>“<i>1. Phạm vi điều chỉnh</i></p> <p><i>Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai... ”.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm rõ việc chỉ tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước để thực hiện trong <b>giai đoạn 2022 – 2025</b>; lý do không tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước để thực hiện lâu dài.</li> <li>- Nhằm đảm bảo sử dụng từ ngữ thống nhất, đề nghị thay cụm từ “<i>người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i>”, “<i>người lao động</i>” bằng cụm từ “<i>người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i>” hoặc bổ sung nội dung quy ước viết tắt ở lần đầu tiên sử dụng từ ngữ viết đầy đủ, đồng thời thống nhất sử dụng từ ngữ viết tắt sau khi đã quy ước viết tắt.</li> </ul> <p>b) Tại phần căn cứ ban hành văn bản, căn cứ khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật</p>
--	--	---

		<p>Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật <b><u>quy định thẩm quyền, chức năng</u></b> của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn <b><u>quy định nội dung, cơ sở</u></b> để ban hành văn bản.</li> <li>- Bổ sung căn cứ: “<i>Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015</i>”; “<i>Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020</i>”.</li> </ul> <p>c) Nhằm đảm bảo nội dung được rõ ràng, đề nghị xây dựng nội dung dự thảo nghị quyết theo bối cảnh sau:</p> <p style="text-align: center;"><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p style="text-align: center;">...</p> <p style="text-align: center;"><b>Điều 2. Hỗ trợ tạo việc làm và khởi nghiệp đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước</b></p> <p style="text-align: center;">...</p> <p style="text-align: center;"><b>Điều 3. Điều khoản thi hành</b></p> <p style="text-align: center;">...”</p> <p>d) Tại khoản 2 Điều 1, nhằm đảm bảo thống nhất sử dụng từ ngữ với quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đề nghị thay cụm từ “<i>kết thúc</i>” bằng cụm từ “<i>chấm dứt</i>”.</p> <p>d) Tại khoản 3 Điều 1, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ nội dung ở gạch đầu dòng thứ nhất, vì không cần thiết.</li> <li>- Nghiên cứu xây dựng nội dung ở gạch đầu dòng thứ hai</li> </ul>
--	--	---

		<p>theo hướng quy định thời điểm thực hiện hỗ trợ cho phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở gạch đầu dòng thứ ba, đề nghị xem lại sự cần thiết quy định nội dung về ưu tiên hỗ trợ (dự thảo nghị quyết không xây dựng nội dung hạn chế trường hợp được thụ hưởng chính sách hỗ trợ, do đó người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng sau khi về nước đều được hưởng chính sách hỗ trợ;...).</li> </ul> <p>e) Tại khoản 4 Điều 1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở điểm a, đề nghị nghiên cứu xây dựng theo hướng quy định về nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ đảm bảo cụ thể, rõ ràng, chính xác, đầy đủ (hỗ trợ học phí đào tạo hay hỗ trợ đào tạo? xem lại từ “<i>học phí</i>” (học phí hay chi phí đào tạo?...); mức hỗ trợ cụ thể bằng bao nhiêu?...).</li> <li>- Ở điểm b</li> </ul> <p>Căn cứ khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, đề nghị nghiên cứu xây dựng lại nội dung đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2017/TT-BTC.</p> <p>g) Tại khoản 5 Điều 1, đề nghị xây dựng nội dung theo hướng quy định cụ thể về nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đảm bảo nội dung chính xác, đầy đủ.</p> <p>h) Tại Điều 2, Điều 3</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị gộp nội dung tại Điều 2, Điều 3 thành 01 Điều (Điều khoản thi hành).</li> <li>- Tại Điều 2, đề nghị sửa nội dung “<i>Nghị quyết theo quy</i></li> </ul>
--	--	---

		<p><i>định pháp luật</i>” thành “<i>Nghị quyết này</i>”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Điều 3</li> <li>+ Đề nghị bỏ nội dung “<i>Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.</i>”, vì không cần thiết.</li> <li>+ Căn cứ khoản 48 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị sửa nội dung “<i>có hiệu lực từ ngày ... tháng 12 năm 2021; áp dụng thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2022</i>” thành “<i>có hiệu lực từ ngày ... tháng .. năm ...</i>”. Việc xác định thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết đảm bảo không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đồng thời đảm bảo Nghị quyết có hiệu lực cùng thời điểm hoặc sau thời điểm có hiệu lực thi hành của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc người nước ngoài theo hợp đồng (Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc người nước ngoài theo hợp đồng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022).</li> <li>i) Tại phần nơi nhận <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ khoản 25 Điều 1 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị bổ sung cơ quan nhận văn bản là <i>tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền kiểm tra Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo ngành, lĩnh vực</i>.</li> <li>- Đề nghị bỏ “<i>UBND các huyện, thị xã, thành phố</i>” nhằm tránh trùng lặp.</li> </ul> </li> </ul>	
--	--	---	--

		<p><b>2. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</b></p> <p>Đề nghị đổi chiểu dự thảo văn bản với mẫu số 16 phụ lục I kèm theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP và các quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP; chỉnh sửa một số lỗi về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Đánh số thứ tự của dự thảo văn bản đúng quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;</li> <li>b) Bổ sung đường kẻ ngang, nét liền phía dưới tên cơ quan ban hành văn bản có độ dài bằng từ 1/3 đến 1/2 độ dài của dòng chữ và đặt ở giữa, cân đối so với dòng chữ;</li> <li>c) Trình bày tên văn bản (tên loại văn bản, tên gọi của văn bản) bằng cỡ chữ 14;</li> <li>d) Bổ sung đường kẻ ngang, nét liền phía dưới tên gọi văn bản;</li> <li>đ) Tại phần trình bày cơ quan ban hành văn bản phía dưới tên gọi của dự thảo, nghị quyết, sửa nội dung “<b>KHÓA..., KỲ HỌP THÚ...</b>” thành “<b>KHÓA ... KỲ HỌP THÚ...</b>”;</li> <li>e) Ở dòng cuối cùng tại phần căn cứ ban hành văn bản, sửa “<i>Theo Tờ trình số ...</i>” thành “<i>Xét Tờ trình số...</i>”;</li> <li>g) Trình bày nội dung dự thảo nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP);</li> <li>h) Tại phần nơi nhận, trình bày phần liệt kê các cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận văn bằng cỡ chữ 11;...</li> </ul> <p><b>3. Về trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh</b></p> <p>Đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội triển khai</p>
--	--	---

			<p>nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Chương xây dựng, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh); Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Trong đó, lưu ý tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Điều 111 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật);...</p> <p><b>II. GÓP Ý DỰ THẢO TỜ TRÌNH</b></p> <p>Tương tự các ý kiến nêu tại khoản 1 mục I Văn bản này, đề nghị chỉnh sửa dự thảo tờ trình đảm bảo thống nhất với nội dung dự thảo nghị quyết; chỉnh sửa một số lỗi về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.</p> <p><b>III. VẤN ĐỀ KHÁC</b></p> <p>Để đảm bảo tính khả thi, thống nhất trong việc thực hiện Nghị quyết sau khi Nghị quyết được ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh, làm rõ một số vấn đề có liên quan trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết (bao gồm: trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ để được hưởng chính sách; trách nhiệm cụ thể hướng dẫn các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết (nếu có); ...).</p>	
07	Liên đoàn Lao động tỉnh	252/LĐLĐ-CSPL&QHLD ngày 23/9/2021	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thống nhất với bộ cục, thể thức văn bản của dự thảo Tờ trình và Nghị quyết.</li> <li>Về nội dung: <ol style="list-style-type: none"> <li>Đối với dự thảo tờ trình <ol style="list-style-type: none"> <li>Tại trang 1, Mục I, dòng thứ 2 thêm chữ “càng” cho rõ</li> </ol> </li> </ol> </li> </ol>	Tiếp thu, chỉnh sửa

			<p>nghĩa.</p> <p>b. Tại trang 2, mục II, tiêu mục 2.1 dòng thứ 3: "...Ủy ban nhân dân tỉnh đối với lao động..." sửa lại "...Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đối tượng lao động..." để thể hiện rõ đối tượng được hỗ trợ.</p> <p>c. Tại trang 2, mục II, tiêu mục 2.2, ý 2: "...cho người lao động của tỉnh để nâng cao trình độ" thêm cụm từ "tác phong làm việc và kỹ năng nghề nghiệp" vào ý cuối thành "...cho người lao động của tỉnh để nâng cao trình độ, tác phong làm việc và kỹ năng nghề nghiệp".</p> <p>d. Tại trang 3, dòng thứ 2 từ trên xuống sửa lỗi đánh máy "nhưng" không phải "như": nhưng tối đa không quá 03 tháng....</p> <p>2.2. Liên đoàn Lao động tỉnh thống nhất với dự thảo Nghị quyết.</p>	
08	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh	466/NHCS-KHNV ngày 23/9/2021	<p>Cơ bản nhất trí và tham gia một số ý kiến như sau:</p> <p>1. Tại gạch đầu hàng thứ 3, tiết b, điểm 4, Điều 1, Nghị quyết: Thời hạn vay vốn tối đa 36 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xem xét cẩn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn. <i>Chi nhánh đề xuất sửa thành: Thời hạn vay vốn tối đa 120 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh xem xét cẩn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.</i></p> <p>2. Tại gạch đầu hàng thứ 4, tiết b, điểm 4, Điều 1, Nghị quyết: Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. <i>Chi nhánh đề xuất sửa thành: Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ cận nghèo theo quy định pháp luật về tín dụng đối với hộ cận</i></p>	Đã tiếp thu theo ý kiến của Sở Tư pháp

		<p><i>nghèo (hiện nay là 7,92%/năm). Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.</i></p> <p>Nguyên nhân đề xuất sửa điểm 1, 2 nêu trên: nhằm phù hợp với quy định và tạo sự công bằng cho các đối tượng vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.</p> <p>3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đề nghị bổ sung thêm gạnh đầu hàng thứ 5 tại tiết b, điểm 4, Điều 1, Nghị quyết: Quy trình, thủ tục vay vốn được thực hiện theo chương trình tín dụng cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm tại Ngân hàng Chính sách xã hội (hiện nay đang thực hiện theo văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội).</p>	
--	--	---	--

09	Sở Ngoại vụ	754/SNgV-LS-QLBG ngày 23/9/2021	<p>1. Tại Mục I dự thảo Tờ trình: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung căn cứ pháp lý xác định nội dung chi hỗ trợ cho người lao động sau khi về nước quy định tại Khoản 1 Điều 60 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: "<i>Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động tạo việc làm và khởi nghiệp</i>" và đề nghị làm rõ thêm về căn cứ xác định nguyên tắc hỗ trợ, mức hỗ trợ tại khoản 5.2 mục IV dự thảo.</p> <p>2. Tại Mục III dự thảo Tờ trình: Đề nghị sửa đổi phần cơ quan được lấy ý kiến, so với các cơ quan được liệt kê tại Tờ trình thì phạm vi đơn vị được lấy ý kiến mở rộng hơn.</p> <p>3. Về dự thảo Nghị quyết: Đề nghị bổ sung thêm quy định về thời gian hết hiệu lực của văn bản vì chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài sau khi về nước chỉ áp dụng trong giai đoạn 2022 – 2025.</p>	Tiếp thu chỉnh sửa, tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp đã bỏ giai đoạn 2022-2025 nên không tiếp thu ý kiến về bổ sung thời gian hết hiệu lực.
10	Sở Giao thông Vận tải	2114/SGTVT-VP ngày 20/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
11	Sở Y tế	3359/SYT-KHTC ngày 20/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	1674/STTTT-VP ngày 21/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
13	Sở Công thương	1718/SCT-KHTCTH ngày 21/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	3932/STNMT-VP ngày 22/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3397/SNNPTNT-CCPTNT ngày 24/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	

16	Công an tỉnh	621/CAT-PA03 ngày 23.9.2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
17	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	796/BQLKKT-VP ngày 21/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
18	Ban Dân tộc	763/BDT-VP&TTĐB ngày 22/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
19	Cục Thuế tỉnh	2105/CTGLA- NVDTPC ngày 22/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
20	Hội Nông dân	1317-CV/HNDT ngày 28/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
21	UBND thành phố Pleiku	3585/UBND- LĐTBXH ngày 21/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
22	UBND huyện Đức Cơ	2009/UBND-VX ngày 21/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
23	UBND huyện Chư Sê	1793/UBND-VX ngày 22/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
24	UBND thị xã Ayun Pa	2678/UBND-VX ngày 22/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
25	UBND huyện Chư Păh	3893/UBND-VX ngày 22/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
26	UBND huyện Đak Pơ	1760/UBND- LĐTBXH ngày 22/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
27	UBND huyện Ia Grai	1646/UBND- LĐTBXH ngày 24/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	

28	UBND huyện Đak Đoa	1933/UBND-VX ngày 23/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
29	UBND huyện Kông Chro	2681/UBND-VHXH ngày 23/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	
30	Phòng LĐTBXH thị xã Ayun Pa	473/LĐTBXH ngày 20/9/2021	Thống nhất với nội dung dự thảo	